TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **244** /2024/HS-ST
Ngày 19 - 11 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn

2. Ông Trần Viết Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:**

+ *Tại điểm cầu trung tâm*: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Tại điểm cầu thành phần*: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Nguyễn Khắc Vũ - Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 299/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024, theo hình thức trực tuyến, gồm 02 điểm cầu: điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần đặt tại Trại tạm giam Chí Hòa (T30) Công an Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Văn C sinh năm 1982 tại Thành phố H nơi cư trú (Nơi đăng ký thường trú: 1 N, Phường A, Quận A, Thành phố H chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trần Ngọc A và bà Phạm Thị L; có vợ Đặng Thị Ngọc T và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 05/11/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời gian 24 tháng, về hành vi "đánh người gây thương tích".

Ngày 18/6/2015, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố H định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng theo Quyết định số: 42/2015/QĐ-TA. Chấp hành xong ngày 20/11/2016.

Ngày 08/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố H quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng theo Quyết định số: 435/QĐ-TA. Chấp hành xong ngày 25/01/2020.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2024 đến nay. (có mặt tại phiên tòa tại điểm cầu thành phần)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1990; nơi cư trú: 3 L, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 14/4/2024, tổ tuần tra 363 Công an Quận 8 tuần tra đến trước Chung cư T (địa chỉ: Số A T, Phường F, Quận H MERGEFIELD N sinh Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện Phạm Văn C1 đang điều khiển xe mô tô, biển số 60T8-1464 chở Trần Văn H có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, Công an phát hiện trong cốp xe mô tô trên có 01 hộp giấy màu tím đựng 01 gói nylon chứa tinh thể, C1 khai nhận đó là ma túy của C1 dùng để sử dụng. Công an tiến hành thu giữ vật chứng, dẫn C1 về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và mời H về trụ sở để làm rõ. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 để điều tra làm rõ.

Ngày 16/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 phối hợp cùng Công an xã B, huyện B khám xét nơi ở của Phạm Văn C1 tại địa chỉ: nhà không số, kế số A ấp A, xã B, huyện B. Tại thời điểm khám xét, có vợ của C1 là Đặng Thị Ngọc T. Qua khám xét, Công an phát hiện, thu giữ:

- Phía trên hộp gỗ trên sàn nhà có 02 gói nylon chứa tinh thể (T khai nhận đó là ma túy tổng hợp của T dùng để sử dụng).

- Bên trong hộp gỗ trên sàn nhà có 02 gói nylon chứa tinh thể (C1 khai nhận đó là ma túy tổng hợp của C1 dùng để sử dụng).

- 20 gói nylon rỗng (C1 khai nhận đây là dụng cụ của C1 dùng để đựng ma túy để sử dụng)

- 01 Điện thoại di động, hiệu Samsung, màu đen, gắn sim số 0938607543 (thu giữ của Đặng Thị Ngọc T).

Phạm Văn C1 khai nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, vào ngày 14/4/2024, Phạm Văn C1 sử dụng điện thoại số 0909002275 liên hệ nam thanh niên tên S (không rõ số điện thoại, nhân thân lai lịch), C1 hỏi mua của Sun 500.000 đồng ma túy tổng hợp thì S đồng ý và hẹn đến khu vực đường B, Phường H, Quận F để giao dịch. Sau đó, C1 điều khiển xe mô tô biển số 60T8-1464 đến khu vực đường B, Phường H, Quận F để mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, C1 mang về nhà trọ và chia ma túy vừa mua để vào 03 gói nylon. C1 bỏ 02 gói nylon chứa ma túy vào trong hộp gỗ để trên sàn nhà, 01 gói nylon bỏ vào túi quần trước bên phải để dành sử dụng khi có nhu cầu. Khoảng 20 giờ, ngày 14/4/2024, C1 đang ở nhà thì B (không rõ lai lịch) đến nhờ C1 đến bến xe Q để chở khách đi mua xe máy thì C1 đồng ý. Lúc này, C1 lấy gói ma túy đã bỏ trong túi quần trước bỏ vào hộp giấy màu tím rồi cất giấu vào cốp xe mô tô biển số 60T8-1464 rồi điều khiển xe chạy đến khu vực bến xe Q để đợi đón khách. Khi đến bến xe Q, C1 và B gặp Trần Văn H thì B nói C1 chở H đến trước Chung cư T (Phường F, Quận H) để xem xe. Sau đó, C1 điều khiển xe mô tô biển số 60T8-1464 chở Trần Văn H đến trước chung cư T thì bị Công an phát hiện và bắt giữ như trên.

Đặng Thị Ngọc T khai nhận: Vào ngày 16/4/2024, T và một người phụ nữ tên S1 (không rõ lai lịch) hùn tiền mua ma túy về sử dụng chung. T hùn 100.000 đồng, S1 hùn 50.000 đồng. Sau đó, S1 sử dụng xe mô tô (không rõ biển số) chở T đến khu vực cây xăng K (trên quốc lộ E, huyện B) để mua ma túy về sử dụng. Khi đến nơi, S1 sử dụng điện thoại cá nhân để liên lạc mua ma túy. 10 phút sau, có 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) đến gặp S1 và bán 01 gói ma túy, S1 đưa tiền cho người đàn ông trên. Sau khi mua được ma túy, S1 chở T về nhà trọ của T và đưa gói ma túy cho Thu giữ chờ S1 quay lại sử dụng sau rồi S1 bỏ đi đâu không rõ. T đem gói nylon chứa ma túy trên để lên hộp gỗ trên sàn nhà chưa kịp sử dụng thì bị Công an phát hiện thu giữ.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Phạm Văn C1, Đặng Thị Ngọc T, Trần Văn H. Kết quả: C1, T, H dương tính với ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1, Phạm Văn C1, Đặng Thị Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 23/4/2024, Phòng K1 Công an Thành phố H có kết luận giám định số 4783/KL-KTHS, kết luận: Tinh thể trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Văn C1 và hình dấu Công an P, Quận H, là ma túy thể rắn có khối lượng 0,6084g loại Methamphetamine.

Ngày 24/4/2024, Phòng K1 Công an Thành phố H có kết luận giám định số 4829/KL-KTHS, kết luận:

- Gói 1: Tinh thể trong 02 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Văn C1 và hình dấu Công an xã B, huyện B là ma túy thể rắn, có tổng khối lượng là 2,1421g loại Methamphetamine.

- Gói 2: Tinh thể trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Văn C1, Đặng Thị Ngọc T và hình dấu Công an xã B, huyện B là ma túy thể rắn, có khối lượng là 0,1345g loại Methamphetamine.

Xét thấy hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của Đặng Thị Ngọc T thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B. Ngày 22/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã chuyển hồ sơ, vật chứng cùng đối tượng Đặng Thị Ngọc T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra theo quy định.

* Vật chứng vụ án:

- 01 gói nylon chứa ma túy thể rắn, loại Methamphetamine có khối lượng 0,6084g;

- 02 gói nylon chứa ma túy thể rắn, loại Methamphetamine có khối lượng 2,1421g;

- 01 điện thoại hiệu VIVO, gắn sim số 0909002275 và 0938311458 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO thu giữ của Phạm Văn C1;

- 01 điện thoại hiệu VIVO gắn sim số 0938011230, thu giữ của Trần Văn H;

- 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy, thu giữ của Phạm Văn C1;

- 20 gói nylon rỗng, thu giữ của Phạm Văn C1;

- 01 hộp giấy màu tím và 01 hộp gỗ, thu giữ của Phạm Văn C1;

- 01 xe mô tô biển số 60T8-1464, số khung số máy không đổi, thu giữ của Phạm Văn C1. C1 khai nhận xe mô tô trên là do B (không rõ lai lịch) cho C1 mượn để làm phương tiện di chuyển. Qua xác minh, xe mô tô trước đây do chị Nguyễn Thị Bích T1 đứng tên chủ sở hữu. Năm 2015, chị T1 bán xe mô tô trên cho người thanh niên không rõ lai lịch, không làm hợp đồng mua bán. Ngày 02/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra thông báo, đăng báo tìm chủ sở hữu của xe mô tô trên nhưng chưa có ai đến nhận.

Tại bản Cáo trạng số 265/CT-VKS-Q8 ngày 09/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Văn Chiến về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuýtheo điểm c khoản 1 Điều 249Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn C1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 14/4/2024, tại trước chung cư T (địa chỉ: A T, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Phạm Văn C1 có hành vi cất giữ ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,6084g (không phẩy sáu không tám bốn gam) loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an phát hiện; và ngày 16/4/2024, qua khám xét tại nhà số không số, kế số A ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện Phạm Văn C1 có hành vi cất giữ ma túy thể rắn, có khối lượng 2,1421g (hai phẩy một bốn hai một gam) loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Tổng khối lượng ma túy Phạm Văn C1 cất giấu để sử dụng là 2,7505g (hai phẩy bảy năm không năm gam) loại Methamphetamine.

[3] Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như sau:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, cocaine, Methamphetamine, A1, *MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.*

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Văn C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Xét thấy, năm 2002, bị cáo bị đưa vào cơ sở giáo dục do hành vi "đánh người gây thương tích"; năm 2015 và 2018, bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo.

[7] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 truy tố bị cáo Phạm Văn C1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, hành vi không nhằm mục đích thu lợi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án:

- 02 gói niêm phong chứa ma túy, xét đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại hiệu VIVO, gắn sim số 0909002275 và 0938311458, thu giữ của Phạm Văn C1. Đây là điện thoại C1 dùng liên lạc để mua ma túy nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, thu giữ của Phạm Văn C1, là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại hiệu VIVO gắn sim số 0938011230, thu giữ của Trần Văn H không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho Trần Văn H.

- 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy, 20 gói nylon rỗng, 01 hộp giấy màu tím và 01 hộp gỗ thu giữ của Phạm Văn C1. Đây là dụng cụ của C1 dùng để cất giấu ma túy và để sử dụng ma túy nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô biển số 60T8-1464 thu giữ của Phạm Văn C1. Qua xác minh, xe trên do chị Nguyễn Thị Bích T1 đứng tên chủ sở hữu. Năm 2015, chị T1 bán xe trên cho người thanh niên (không rõ lai lịch), không làm hợp đồng mua bán. C1 khai nhận xe mô tô trên là do B (không rõ lai lịch) cho C1 mượn để làm phương tiện di chuyển. Ngày 02/8/2024, Cơ quan điều tra đã đăng tin tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có có kết quả nên cần tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp 01 xe mô tô biển số 60T8-1464 trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với anh Trần Văn H không liên quan đến hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của Phạm Văn C1. Ngày 22/4/2024, Ủy ban nhân dân Phường F, Quận H ra

Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện đối với anh Trần Văn H là phù hợp quy định pháp luật.

[11] Đối với đối tượng tên S là người bán ma túy cho Phạm Văn C1, qua xác minh không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[12] Đối với chị Cam Thị Vân H1 là chủ sở hữu nhà trọ không số, kế số A ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H1 là người trực tiếp cho Phạm Văn C1 và Đặng Thị Ngọc T thuê phòng trọ trên. Việc C1 và T có hành vi sử dụng ma túy, cất giấu ma túy thì chị H1 không biết. Vì vậy không có cơ sở xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C1 03 (ba) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túyThời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/4/2024.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại hiệu VIVO, gắn sim số 0909002275 và 0938311458, màu xanh (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong ghi vụ số 4783/2024 Q8, bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Văn C1, Mai Minh T2 và hình dấu Công an P, Quận H và chữ ký Giám định viên.

- 01 gói được niêm phong ghi vụ số 1467/24 (1) Q8, bên ngoài có chữ ký ghi tên Phạm Văn C1, Nguyễn Huy L1, hình dấu Công an xã B, huyện B và chữ ký Phan Tấn Q.

- 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy, 20 gói nylon rỗng, 01 hộp giấy màu tím và 01 hộp gỗ.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn C1: 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, không có gắn sim.

Trả lại cho anh Trần Văn H: 01 điện thoại hiệu VIVO gắn sim số 0938011230, màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 xe mô tô biển số 60T8-1464, số máy: 2B52076851, số khung: RLCN2B5206Y076851. Nếu hết thời hạn trên không tìm được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao – nhận tang tài vật ngày 10/10/2024).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Văn C1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQ ĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc